TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/KDTM-PT
Ngày: 27/8/2020
V/v tranh chấp hợp đồng thi công.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Lực.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Huyền;

Bà Thái Thị Hữu Xuân.

- Thư ký phiên toà: Ông Lý Đạo Phú Quý - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27/7/2020, 31/7/2020 và 27/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 19/2020/TLPT- KDTM ngày 21/5/2020 về việc "tranh chấp hợp đồng thi công".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2019/KDTM-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2020/QĐ-PT ngày 29/6/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 27/7/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty V; địa chỉ: Thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà V.T.K.A, sinh năm 1989, địa chỉ: Thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18/3/2020). Có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty Đ; địa chỉ: Thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông N.D.V, sinh năm 1990; địa chỉ hộ khẩu thường trú: Huyện H, tỉnh Trà Vinh; địa chỉ liên hệ: Thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13/02/2018 và ngày 04/9/2019). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà L.T.N.L, sinh năm 1987; địa chỉ: Thị xã B, Bình Dương. Có đơn yêu

cầu giải quyết vắng mặt.

+ Ông L.H.Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Thành phố A, Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn trình bày:*

Ngày 15/02/2017, Công ty V (viết tắt Công ty V) và Công ty Đ (viết tắt Công ty Đ) ký kết hợp đồng thi công số 21/17/HĐKT/VANGIA. Nội dung: Công ty Đ giao cho Công ty V cung cấp và lắp đặt toàn bộ hệ thống nhôm kính tại công trình Phòng giao dịch Vietcombank – Tân Uyên, tổng giá trị hợp đồng là 911.350.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT). Về nghĩa vụ thanh toán: Công ty Đ thanh toán cho Công ty V thành 04 đợt. Tuy nhiên, do hai bên là đối tác làm ăn lâu năm và biết tình hình tài chính của Công ty Đ nên Công ty V và Công ty Đ thống nhất thỏa thuận thi công công trình hoàn thành và hai bên ký hoàn công, ký biên bản nghiệm thu và bàn giao công trình. Công ty V cộng dồn tất các đợt thanh toán và xuất hóa đơn 01 lần. Đầu tháng 12/2017, Công ty V đã thực hiện xong công việc cung ứng vật tư và thi công lắp đặt nhôm kính tại công trình nêu trên. Ngày 10/12/2017, Công ty V và Công ty Đ đã tiến hành kiểm tra và ký biên bản nghiệm thu công trình để đưa vào sử dụng.

Đến ngày 15/12/2017, Công ty V xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000012 ngày 15/12/2017 đối với hợp đồng thi công số 21/17/HĐKT/VANGIA cho Công ty Đ và yêu cầu Công ty Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nhưng Công ty Đ không thanh toán.

Công ty V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Đ thanh toán số tiền nợ gốc 911.350.000 đồng và số tiền lãi phát sinh là 191.990.964 đồng. Tổng cộng: 1.103.340.964 đồng.

* *Bị đơn trình bày*: Công ty Đ thống nhất với phần trình bày của đại diện nguyên đơn về việc ký kết hợp đồng thi công và thỏa thuận của hai bên. Công ty V và Công ty Đ đã tiến hành kiểm tra và ký biên bản nghiệm thu công trình để đưa vào sử dụng. Công ty Đ thống nhất giá trị công trình 911.350.000 đồng, nhưng xác định đã thanh toán cho Công ty V theo các giấy giao nộp tiền ngày ngày 17/3/2017 và 21/3/2017 do bà L.T.N.L nộp và giấy nộp tiền ngày 30/5/2018 do ông L.H.Q (là những nhân viên của Công ty Đ) nộp vào tài khoản số: 110000137088 của V được mở tại Ngân hàng Viettinbank CN KCN Bình Dương, chứng minh đã thanh toán cho Công ty V theo hợp đồng thi công số 21/17/HĐKT/VANGIA với tổng số tiền là 928.000.000 đồng gồm các lãi phát sinh trên tiền nợ gốc 911.350.000 đồng. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty V thì Công ty Đ không đồng ý.

* Công ty V không đồng ý với việc Công ty Đ thanh toán tiền vào các ngày 17/3/2017, 21/3/2017 và 30/5/2018 vào tài khoản số 110000137088 của Công ty V tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Viettinbank)- Chi nhánh KCN Bình Dương, vì các giấy nộp tiền không ghi tên người nộp là công

ty Đ và không ghi rõ là nộp cho khoản nào, không thể hiện là tiền của Công ty Đ mà là tiền của các cá nhân nộp vào tài khoản Công ty V.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà L.T.N.L trình bày tại Bản Tường trình ngày 07/11/2019 như sau: Vào khoảng thời gian từ tháng 6/2016 đến tháng 9/2017 bà L.T.N.L có làm công việc kế toán nội bộ, kiêm thủ quỹ cho hai công ty (V và Đ), nhưng ký hợp đồng chính thức, nhận lương và tham gia bảo hiểm từ Công ty Đ. Trong thời gian làm việc, là một nhân viên kế toán – thủ quỹ của hai công ty thì bà L.T.N.L có thực hiện các lệnh giao dịch nộp tiền, chuyển tiền giữa hai công ty và đều theo sự chỉ đạo của cấp trên (kế toán trưởng và ban giám đốc). Trong mỗi giao dịch chuyển tiền, nộp tiền tại Ngân hàng bà L.T.N.L có ghi rõ nội dung trong các chứng từ và theo nguyên tắc kế toán thì mỗi lần nhận tiền mặt của Công ty để đi nộp vào tài khoản, bà L.T.N.L có lập phiếu chi tiền, ký tên bên dưới và có sự xét duyệt của kế toán trưởng, ban giám đốc rõ ràng. Bà L.T.N.L xác nhận tất cả các chứng từ tại thời điểm bà đi nộp vào tài khoản của Đ là tiền của Đ, tiền bà L.T.N.L nộp vào tài khoản của Công ty V là tiền của Công ty V.

Ngoài ra, bà L.T.N.L còn có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng như công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất, xét xử và xin từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án.

2. L.H.Q trình bày tại bản tự khai ngày 01/6/2019 như sau: Thời điểm ngày 15/02/2017 ông L.H.Q đang làm việc cho Công ty Đ có phát sinh hợp đồng thi công số 21/17/HĐKT/VANGIA với Công ty V. Hai bên đã ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình đưa vào sử dụng ngày 10/12/2017 nên Công ty Đ nơi ông L.H.Q làm việc tiến hành trả số tiền còn lại của hợp đồng thi công 750.000.000đồng vào ngày 30/5/2018 cho V theo hợp đồng nêu trên vào tài khoản số:110000137088 của Công ty V được mở tại Ngân hàng Viettinbank CN KCN Bình Dương, do bận công việc ông L.H.Q xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2019/KDTM-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty V đối với bị đơn Công ty Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công" đối với số tiền nợ gốc 911.350.000 đồng và số tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 12%/năm, thành tiền là 191.990.964 đồng. Tổng cộng là 1.103.340.964 đồng theo hợp đồng thi công ngày 15/02/2017.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: V phải nộp án phí sơ thẩm là 55.167.000đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật cho các đương sự.

Ngày 21/11/2019 nguyên đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Về thủ tục tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về nội dung: Hồ sơ vụ án trong giai đoạn sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung như sau:

- Quyết định số 06/2019/QĐXXST-KDTM ngày 29/3/2019 của TAND thành phố T đưa vụ án ra xét xử vào lúc 08 giờ ngày 24/4/2019. Tại biên bản nghị án ngày 24/4/2019, Hội đồng xét xử căn cứ đơn xin hoãn phiên tòa của bị đơn và ấn định mở lại phiên tòa vào lúc 08 giờ ngày 28/5/2019 nhưng trong Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-KDTM ngày 24/4/2019, Hội đồng xét xử ghi mở lại phiên tòa vào lúc 8g ngày 10/5/2019 là mâu thuẫn, không tống đạt quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-KDTM ngày 24/4/2019 cho các đương sự là trái quy định tại khoản 1 Điều 22 BLTTDS quy định như sau: "Tòa án có trách nhiệm tống đạt, chuyển giao, thông báo bản án, quyết định, giấy triệu tập, giấy mời và các giấy tờ khác của Tòa án theo quy định của Bộ luật này".

- Không có biên bản bản phiên tòa và biên bản nghị án ngày 10/5/2019 nhưng Hội đồng xét xử vẫn ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-KDTM ngày 10/5/2019 với lý do: "Hội thẩm nhân dân Nguyễn Thị Hồng Thanh bận lý do công tác đột xuất và không có Hội thẩm nhân dân dự khuyết để thay thế" là vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 236 BLTTDS quy định về "biên bản phiên tòa"; Điều 264 BLTTDS quy định về "Nghị án". Do không có biên bản phiên tòa và nghị án nên Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-KDTM ngày 10/5/2019 không có căn cứ chứng minh: "Hội thẩm nhân dân Nguyễn Thị Hồng Thanh bận lý do công tác đột xuất và không có Hội thẩm nhân dân dự khuyết để thay thế".

- Tại Thông báo (không số) ngày 21/6/2019, TAND thành phố T cho rằng ngày 28/5/2019 đã ban hành quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 28/5/2019 với lý do: "Phải xác minh thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ" và nay xét thấy: "Lý do tạm ngừng phiên tòa không còn" nên sẽ mở lại phiên tòa vào lúc 14 giờ ngày 3/7/2019 nhưng trong hồ sơ vụ án không có biên bản phiên tòa, không có biên bản nghị án phiên tòa ngày 28/5/2019 là vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 236 BLTTDS quy định về " biên bản phiên tòa"; Điều 264 BLTTDS quy định về "Nghị án".

- Bản tường trình ngày 07/11/2019 có chữ ký và chữ viết tên L.T.N.L dưới chữ ký nhưng chưa đủ cơ sở để cho rằng đây là chữ ký và dòng chữ ghi "N.T.N.L" là của bà L.T.N.L vì nguyên đơn không xuất trình được nguồn gốc từ đâu có. Án sơ thẩm nhận định bản tường trình này do nguyên đơn nộp tại phiên tòa sơ thẩm nhưng biên bản phiên tòa không thể hiện việc này và cũng không làm rõ nội dung này. Căn cứ Điều 93, 96 và Điều 236 BLTTDS quy định thì bản tường trình của bà L.T.N.L ngày 07/11/2017 không được xem là chứng cứ vì không được thu thập hợp pháp.

- Bị đơn cho rằng thời điểm ngày 17 và 21/3/2017 thì trụ sở công ty của nguyên đơn và bị đơn đều ở 118, đường D1, khu dân cư Phú Hòa 1, phường Phú Hòa, thành phố T. Đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 13/6/2018 của Công ty V có địa chỉ tại 443, khu phố 8, phường Phú Lợi, thành phố T nhưng cấp sơ thẩm không xác minh, thu thập chứng cứ để làm rõ.

- Theo Điều lệ năm 2017 của Công ty V có 03 thành viên góp vốn là ông B.B.Đ (là nguyên đơn trong vụ án), ông L.D.Lvà bà V.T.Q.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14/7/2017 của Công ty Đ thì Công ty có 04 thành viên góp vốn là: Ông B.B.Đ, bà T.N.T.T, ông L.D.Lvà bà T.H.H (bà T.H.H là bị đơn trong vụ án).

Các Phiếu đề nghị thanh toán ngày 17/3/2017 và các Phiếu chi ngày 21/3/2017, bà L.T.N.L ký với tư cách người lập Phiếu và Thủ quỹ (Phiếu đề nghị) và Thủ quỹ (Phiếu chi), ông L.D.L ký tên với tư cách Phó giám đốc nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông L.D.L tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ khoản chi ngày 17/3 và 21/3/2017 với tư cách của Công ty V hay của Công ty Đ là vi phạm nghiêm trọng khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Biên bản nghị án ngày 08/11/2019, Hội đồng xét xử chỉ biểu quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán khoản nợ gốc 911.350.000 đồng. Không biểu quyết khoản lãi số tiền 191.990.964 đồng nhưng bản án sơ thẩm lại tuyên khoản lãi này. Tương tự, biên bản nghị án ngày 08/11/2019, Hội đồng xét xử chỉ biểu quyết buộc nguyên đơn nộp khoản án phí sơ thẩm là 55.167.000 đồng (nhưng ghi là 55.1697.000 đồng) được khấu trừ 21.884.000 đồng tạm ứng theo biên lai ngày 03/01/2019 và không tuyên buộc nguyên đơn phải nộp thêm số tiền 33.283.000 đồng nhưng bản án sơ thẩm lại tuyên buộc nguyên đơn nộp khoản tiền này là vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 264 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và hủy Bản án sơ thẩm số 17/2019/KDTM-ST ngày 08/11/2019 của TAND thành phố T để chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại đúng quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến tranh tụng của đương sự và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Về người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của bị đơn yêu cầu hoãn phiên tòa để bị đơn làm

thủ tục nhờ luật sư. Xét thấy, đương sự có quyền nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nhưng việc này phải được thực hiện trước khi phiên tòa bắt đầu. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thông báo, tống đạt thông báo thụ lý vụ án, quyết định đối chất và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự và đương sự đã có thời gian hợp lý để chuẩn bị, nhưng đương sự không làm thủ tục nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại Tòa án cấp phúc thẩm nên việc bị đơn đề nghị hoãn phiên tòa là không có cơ sở chấp nhận.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã có văn bản thông báo chứng cứ cho bà L.T.N.L được biết và triệu tập bà L.T.N.L tham gia đối chất, nhưng bà L.T.N.L không tham gia. Bà L.T.N.L cũng không tham gia phiên tòa phúc thẩm và trước đó cũng đã có đề nghị xét xử vắng mặt, từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Ông L.H.Q đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bà L.T.N.L và ông L.H.Q.

[2] Về nội dung:

[2.1] Những vấn đề không phải chứng minh: Các bên đương sự đã thống nhất nội dung Hợp đồng thi công số 21/17/HĐKT/VANGIA ngày 15/02/2017 về việc thực hiện các hạng mục cung cấp và lắp đặt toàn bộ hệ thống nhôm kính tại công trình Phòng giao dịch Vietcombank – Tân Uyên, tổng giá trị hợp đồng là 911.350.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT). Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000012 ngày 15/12/2017 theo Hợp đồng thi công số 21/17/HĐKT/VANGIA ngày 15/02/2017 đã được Công ty Đ quyết toán báo cáo thuế với cơ quan thuế, khấu trừ thuế là 82.850.000 đồng. Các tình tiết này đã được các bên thừa nhận (không tranh chấp) nên không cần phải chứng minh.

[2.2] Những vấn đề cần phải chứng minh: Các đương sự chỉ tranh chấp về khoản tiền đã thanh toán. Theo đó, Công ty Đ xác định đã thanh toán bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản cho Công ty V do các nhân viên của Công ty Đ là bà L.T.N.L thực hiện vào ngày 17/3/2017 và 21/3/2017; ông L.H.Q thực hiện vào ngày 30/5/2018. Tuy nhiên, Công ty V không thừa nhận và cho rằng khoản tiền do bà L.T.N.L chuyển vào tài khoản của Công ty V là tiền của Công ty V, không phải là tiền thanh toán của Công ty Đ, vì bà L.T.N.L cũng là nhân viên kế toán của Công ty V. Riêng khoản tiền do ông L.H.Q nộp là khoản tiền của cá nhân ông L.H.Q nộp thanh toán do có giao dịch cá nhân với Công ty V. Công ty Đ không thừa nhận các tình tiết như Công ty V đã nêu. Như vậy, việc thanh toán các khoản tiền là nội dung tranh chấp và cần phải chứng minh trong vụ án.

[2.3] Xét số tiền 750.000.000 đồng mà ông L.H.Q nộp vào tài khoản số 110000137088 của Công ty V tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Viettinbank)- Chi nhánh KCN Bình Dương theo Giấy nộp tiền ngày 30/5/2018: Trên các giấy nộp tiền chỉ ghi tên người nộp tiền là ông L.H.Q, không ghi tên người nộp tiền là Công ty Đ và cũng không ghi rõ nộp cho khoản nào. Tuy nhiên, giấy nộp tiền này được thực hiện sau khi Công ty V xuất Hóa đơn giá trị

gia tăng số 0000012 ngày 15/12/2017 theo Hợp đồng thi công số 21/17/HĐKT/VANGIA ngày 15/02/2017. Theo lời khai của ông L.H.Q là nhân viên của Công ty Đ tại thời điểm nộp tiền, thì đây là khoản tiền của Công ty Đ thanh toán cho Công ty V. Công ty V cho rằng giữa ông L.H.Q và Công ty V có quan hệ giao dịch cá nhân với nhau nên ông L.H.Q thanh toán khoản tiền trên với tư cách cá nhân, nhưng Công ty V không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh, nên đây chỉ là lời trình bày đơn phương của Công ty V, không có căn cứ chấp nhận. Hơn nữa, hiện nay ông L.H.Q là người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ không thừa nhận khoản tiền 750.000.000 đồng là của cá nhân ông.

[2.4] Xét các khoản tiền mà bà L.T.N.L nộp vào tài khoản của Công ty V, bao gồm các khoản sau:

- Khoản tiền 28.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 17/3/2017;

- Khoản tiền 150.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 21/3/2017.

Các khoản tiền này đều nộp trước ngày Công ty V xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000012 ngày 15/12/2017 theo Hợp đồng thi công số 21/17/HĐKT/VANGIA ngày 15/02/2017. Trên các giấy nộp tiền chỉ ghi tên người nộp tiền là bà L.T.N.L, không ghi tên người nộp tiền là Công ty Đ và cũng không ghi rõ nộp cho khoản nào.

Nguyên đơn xuất trình bản chính tài liệu, chứng cứ đã chi tiền cho bà L.T.N.L để nộp tiền vào tài khoản của Công ty V tương ứng với các ngày bà L.T.N.L nộp tiền tại Ngân hàng, cụ thể như sau:

- Phiếu chi ngày 17/3/2017 kèm theo Phiếu đề nghị thanh toán ngày 17/3/2017 ghi rõ mục đích chi tiền cho bà L.T.N.L để nộp tiền vào tài khoản của Công ty V tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Bình Dương số tiền 28.000.000 đồng.

- Phiếu chi ngày 21/3/2017 kèm theo Phiếu đề nghị thanh toán ngày 21/3/2017 ghi rõ mục đích chi tiền cho bà L.T.N.L để nộp tiền vào tài khoản của Công ty V tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Bình Dương số tiền 150.000.000 đồng.

Ngoài ra, tại Bản tường trình ngày 07/11/2019 (bút lục số 188 tại hồ sơ), bà L.T.N.L đã thừa nhận: "*…tôi xác nhận tất cả các chứng từ tại thời điểm tôi đi nộp vào tài khoản của Đ là tiền của Đ, tiền tôi nộp vào tài khoản Công ty CP Tư vấn Kiến trúc và xây dựng V là tiền của Công ty V (có phiếu chi, giấy nộp tiền … và có chữ ký xét duyệt của kế toán trưởng, ban giám đốc rõ ràng)*".

Mặc dù Bản tường trình ngày 07/11/2019 không phải do bà L.T.N.L trực tiếp nộp tại Tòa án, nhưng trước khi xét xử, Tòa án cấp phúc thẩm đã thông báo hợp lệ cho bà L.T.N.L biết nội dung của văn bản này (kèm theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình) và khuyến cáo bà L.T.N.L có quyền và lợi ích liên quan đến vụ việc, nhưng bà L.T.N.L không có văn bản phản đối hoặc có ý kiến trả lời khác. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập bà L.T.N.L để lấy lời khai

và tham gia đối chất, nhưng bà L.T.N.L không tham gia (trước đó đã có đơn từ chối tham gia tố tụng). Căn cứ vào các giấy nộp tiền, các phiếu chi kèm theo phiếu đề nghị thanh toán có căn cứ xác định rằng hai khoản tiền: 28.000.000 đồng và 150.000.000 đồng là tiền của Công ty V, khi được nộp vào tài khoản của chính Công ty V là tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty V, không phải tiền thanh toán của Công ty Đ là có cơ sở chấp nhận. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã có trong hồ sơ vụ án, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ qua và không xem xét đánh giá là thiếu sót.

[2.5] Như vậy, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Tổng số tiền gốc Công ty Đ đã thanh toán: 750.000.000 đồng trừ vào vào số tiền phải thanh toán 911.350.000 đồng, còn lại khoản tiền phải thanh toán: 161.350.000 đồng.

Tiền lãi do chậm thanh toán được tính như sau: Mức lãi suất của các ngân hàng thương mại lớn trên địa bàn T (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TNCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Bình Dương) đối với khoản vay ngắn hạn dành cho đối tượng vay là doanh nghiệp với mục đích vay sản xuất kinh doanh tại thời điểm xét xử sơ thẩm trung bình là 9,5%/năm. Mức lãi suất quá hạn: 9,5% x 150% = 14,25%.

- Tiền lãi tính từ ngày xuất hóa đơn (15/12/2017) đến ngày thanh toán khoản tiền 750.000.000 đồng (30/5/2018) trên dư nợ gốc 911.350.000 đồng: 911.350.000 đồng x 5 tháng 15 ngày x 14,25%/năm = 59.522.000 đồng.

- Tiền lãi tính từ ngày 31/5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/11/2019 trên dư nợ gốc 161.350.000 đồng: 161.350.000 đồng x 17 tháng 8 ngày x 14,25%/năm = 33.083.429 đồng.

Cộng hai khoản: 92.605.000 đồng.

[2.6] Trên các phiếu chi và Phiếu đề nghị thanh toán thể hiện có chữ ký của ông L.D.L (chức vụ: Phó Giám đốc) và bà T.T.P.L (chức vụ: Kế toán trưởng) của Công ty V, nhưng các cá nhân này không phải là người nộp tiền nên không cần thiết phải tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông L.D.L đồng thời cũng là thành viên Công ty V cũng không cần phải tham gia tố tụng. Hơn nữa, hiện nay nguyên đơn xác định những người này không còn làm việc tại Công ty V và không biết địa chỉ của họ ở đâu nên cấp phúc thẩm cũng không triệu tập được. Do vậy, xét thấy không cần thiết phải hủy án để cấp sơ thẩm triệu tập những người này tham gia tố tụng.

[2.7] Công ty Đ phải có nghĩa vụ chứng minh việc giao tiền cho bà L.T.N.L để nộp thanh toán tiền cho Công ty V. Các giấy nộp tiền ngày 17/3/2017 và 21/3/2017 không đủ cơ sở chứng minh. Trường hợp giữa Công ty Đ và bà L.T.N.L có tranh chấp về các khoản tiền này thì Công ty Đ có quyền khởi kiện và L.T.N.L để được giải quyết tại vụ kiện khác.

[2.8] Về các vi phạm thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm: Tòa án cấp sơ

thẩm có hai giai đoạn xét xử sơ thẩm:

- Giai đoạn 1: Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-KDTM ngày 29/3/2019 với thành phần đương sự chỉ có nguyên đơn và bị đơn (không có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) và có những sai sót như Viện Kiển sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã nêu.

- Giai đoạn 2: Sau các lần hoãn phiên tòa, đến ngày 17/7/2019, Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án bổ sung đưa 2 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà L.T.N.L và ông L.H.Q tham gia tố tụng và thực hiện lại thủ tục công khai chứng cứ, hòa giải. Đến ngày 18/9/2019, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử mới (không số: /2019/QĐXXST). Tuy nhiên, biên bản nghị án ngày 08/11/2019 có ghi những nội dung như Viện Kiển sát nhân dân tỉnh đã nêu.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Ở giai đoạn 1, Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm thủ tục tố tụng, nhưng thực tế Tòa án cấp sơ thẩm không xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-KDTM ngày 29/3/2019 nên không vi phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, nhưng thể hiện sự cẩu thả trong việc tiến hành tố tụng và xây dựng hồ sơ. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm. Ở giai đoạn 2 (theo quyết định đưa vụ án ra xét xử mới), nội dung biên bản nghị án ghi chưa đầy đủ và khớp từng câu chữ với phần quyết định của bản án sơ thẩm, nhưng cơ bản cũng đã có đầy đủ những nội dung nghị bàn và được HĐXX tuyên án.

Địa chỉ của doanh nghiệp được xác định theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

[2.9] Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3]. Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc hủy án sơ thẩm là không cần thiết, vì nếu hủy án thì việc giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm cũng không khắc phục được hậu quả của các sai sót. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình và Tòa án thu thập được, HĐXX quyết định giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhằm giải quyết dứt điểm tranh chấp, không để kéo dài.

[4]. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Công ty V phải chịu án phí trên số tiền yêu cầu không được chấp nhận. Công ty Đ phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán.

- Án phí phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm trong trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng, khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 50, 51 và 306 Luật Thương mại 2005.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn. Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2019/KDTM-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc Công ty Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty V khoản tiền còn nợ chưa thanh toán theo Hợp đồng thi công số 21/17/HĐKT/VANGIA ngày 15/02/2017 :

+ Nợ gốc: 161.350.000 đồng.

+ Tiền lãi chậm thanh toán: 92.605.000 đồng.

Cộng hai khoản: 253.955.000 đồng.

- Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực, nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền như nêu trên, thì ngoài khoản tiền phải thi hành, người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty V về việc yêu cầu Công ty Đ phải thanh toán số tiền nợ còn lại: 750.000.000 đồng.

1.3. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty V phải chịu 34.000.000 đồng, được trừ vào 21.884.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0033340 ngày 03/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, còn phải tiếp tục nộp 12.116.000 đồng.

- Công ty Đ phải chịu 12.698.000 đồng.

2. Về án phí phúc thẩm: Công ty V không phải chịu, được nhận lại 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0041089 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa KT, tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Công Lực